

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 63/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thường Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tuyền
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 420/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/4/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị H, sinh năm: 1970 (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: B7/11B ấp H, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Q, sinh năm: 1972 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Nhà không số tổ 4, ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 29/3/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm - Nguyên đơn bà Lâm Thị H trình bày:

Bà và ông Phạm Q bắt đầu chung sống từ năm 1994, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc, đến năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng nhất,

nguyên nhân là do ông Q thường hay chơi bài bạc, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, ông H có mối Qn hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Q vẫn không thay đổi. Bà và ông Q sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Q.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Q có 02 con chung tên Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 06/01/1996 (đã trưởng thành) và Phạm Anh T, sinh ngày 29/12/2006. Hiện tại cháu T đang sống cùng bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Anh T, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Phạm Q vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng bất cứ văn bản nào.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Lâm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Phạm Q. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận “*Đương sự Phạm Q, sinh năm: 1972 có đăng ký tạm trú và thực tế cư trú tại địa chỉ nhà không số tổ 4, ấp 3A, xã*

Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 14/6/2014 cho đến nay”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Phạm Q đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Q vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Q theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 243, quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2012 có cơ sở xác định Qn hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị H và ông Phạm Q là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà H xác định giữa bà và ông Q phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Q không có trách nhiệm với gia đình, bất đồng Qn điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, ông Q thường xuyên cờ bạc, có mối Qn hệ với người phụ nữ khác ở bên ngoài, bà H đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông Q vẫn không sửa đổi, tình cảm vợ chồng đã không còn. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Q.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, theo công văn số 4050/UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xác định *“Hiện tại giữa bà Lâm Thị H và ông Phạm Q không còn chung sống với nhau và đã ly thân vào tháng 7 năm 2019. Trong quá trình chung sống tại địa phương giữa bà H, ông Q có mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân”*. Ông Phạm Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Hơn nữa, giữa bà H, ông Q đã có một thời gian dài sống ly thân nhưng cho đến phiên tòa sơ thẩm bà H, ông Q vẫn không tìm được phương hướng nào để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy mục đích hôn nhân giữa bà H, ông Q đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó bà H yêu cầu ly hôn đối với ông Q là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Bà H xác nhận giữa bà và ông Q có hai con chung tên Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 06/01/1996 (đã trưởng thành) và Phạm Anh T, sinh ngày 29/12/2006. Đối với cháu Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 06/01/1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Phạm Anh T hiện

nay đang sống cùng bà H. Do đó khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Anh T.

Theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 05/5/2021 thì trẻ Phạm Anh T có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Mặt khác, do ông Q vắng mặt trong suốt quá trình Tòa giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến, nguyện vọng của mình về con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét khả năng của các đương sự về việc đảm bảo cuộc sống ổn định, tinh thần cho con sau khi ly hôn cũng như căn cứ vào nguyện vọng của trẻ theo quy định khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao trẻ Phạm Anh T cho bà Lâm Thị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà H.

[9] Về tài sản chung: Bà H yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông Q vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về tài sản chung giữa ông và bà H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của bà H, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về nợ chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông Q vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về nợ chung giữa ông và bà H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của bà H, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[11] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Lâm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[12] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị H đối với bị đơn ông Phạm Q về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về hôn nhân: Bà Lâm Thị H được ly hôn với ông Phạm Q. Qn hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị H và ông Phạm Q chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 243, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2012 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Bà Lâm Thị H được quyền nuôi dưỡng cháu Phạm Anh T, sinh ngày 29/12/2006. Ghi nhận bà Lâm Thị H không yêu cầu ông Phạm Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phạm Q có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung: Bà Lâm Thị H yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

1.4. Về nợ chung: Bà Lâm Thị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Lâm Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0081326 ngày 09/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lâm Thị H đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND phường Bình Trị Đông A,
Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

Lý Thường Đông

